

Số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Minh;

2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 253/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 7 năm 2020 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXX- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc H, sinh năm: 1989; địa chỉ cư trú: Số 76, khóm AĐ A, thị trấn BC, huyện Tri Tôn;

Địa chỉ liên lạc: Phòng trọ số 05, Nhà trọ Đặng Thị T, đường HV, khu phố HP, thị trấn HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Võ Thiện M, sinh năm: 1984; địa chỉ cư trú: Số 76, khóm AĐ A, thị trấn BC, huyện TT.

(Tại phiên tòa, bà H, ông M cùng có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 08/7/2020 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại tòa, bà Phạm Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông M không quen biết và không có thời gian tìm hiểu nhau, nhưng thông qua mai mối hai người được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 2010. Hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 ngày 25/5/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn BC. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông M tham gia cờ bạc,

bê tha việc gia đình, bỏ mặt vợ con, rồi thường xuyên gây cãi nhau, nên bà bỏ nhà lên tỉnh Đồng Nai làm công nhân, mong ông M thay đổi bản tính, nhưng ông vẫn tính nết nào tật nấy. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông M.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà với ông M có 01 con chung tên Võ Ngọc Hu, sinh ngày 05/9/2011, hiện do bà nuôi. Khi ly hôn, bà yêu cầu tiếp tục nuôi và không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà với ông M không có tài sản chung cũng không có nợ chung.

Bị đơn ông Võ Thiện M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông với bà H được hình thành đúng như bà H trình bày. Nhưng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây cãi. Ông cũng thừa nhận đôi khi có cờ bạc, nhưng không phải lấy tiền của vợ con mà tiền do ông tự tạo ra, bà H diện lý do đó để bỏ nhà đi và ly thân với ông. Nay ông xét thấy nếu trở lại chung sống cũng không hạnh phúc, nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về quan hệ con chung: Đúng là ông với bà H có 01 con chung, họ tên và ngày tháng năm sinh như bà H trình bày và hiện con chung do bà H nuôi. Tuy nhiên, khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi cháu Hu và không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Thống nhất với trình bày của bà H.

Giai đoạn hòa giải, hai bên thống nhất ly hôn, thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung, nhưng không thống nhất nhau về con chung.

Tại phiên tòa, bà H – ông M bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà Huyền – ông M thống nhất ly hôn và xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, đề nghị HĐXX công nhận thuận tình ly hôn giữa hai người và không đề cập giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, con chung hiện trên 07 tuổi, từ khi ly thân do bà H nuôi, bà Huyền hiện có nghề nghiệp và thu nhập, nên đề nghị giao cháu Hu cho bà H tiếp tục nuôi theo ý nguyện của cháu. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Huyền khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông M, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân

sự; ông M có địa chỉ cư trú tại thị trấn BC, huyện TT, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà H và ông M kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 của Ủy ban nhân dân thị trấn BC vào ngày 25/5/2011, nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà H bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông M tham gia cờ bạc, bê tha việc gia đình, bỏ mặt vợ con, rồi thường xuyên gây cãi nhau... với nguyên nhân bà H trình bày, ông M thừa nhận có cờ bạc, nhưng cho rằng đó không phải là nguyên nhân chính vì việc đánh bạc là do tiền ông tự tạo ra không phải lấy tiền của vợ con. Với trình bày của bà H – ông M, HĐXX xét thấy về nhận thức vấn đề giữa hai người đã thật sự bất đồng nhau và bất đồng này dẫn đến gây cãi trong thời gian dài, nên tại phiên tòa cả hai thống nhất ly hôn là có căn cứ, HĐXX nghĩ nên công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H – ông M.

[3]. *Về quan hệ con chung*: Xét cháu Võ Ngọc Hu, từ khi bà H – ông M ly thân nhau thì cháu Hu sinh sống bên bà H, tình cảm giữa cháu Hu với bà H thật sự gắn bó, bà H có việc làm và có thu nhập ổn định và hiện lo cho cháu H đi học, ý nguyện của cháu Hu là sau khi cha mẹ ly hôn cháu Hu yêu cầu được tiếp tục sống với mẹ. Do đó, để không xáo trộn về tâm sinh lý của cháu cũng như để cháu Hu phát triển tốt về sau, HĐXX nghĩ nên giao cháu Hu cho bà H tiếp tục nuôi là hoàn toàn phù hợp.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà H không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

HĐXX cũng giải thích cho bà H biết: Trong thời gian nuôi con, bà H cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà H – ông M khai không có tài sản chung và không có nợ chung, nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc H với ông Võ Thiện M.

Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi con chung tên Võ Ngọc Hu, sinh ngày 05/9/2011.

Công nhận tự nguyện của bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Bà H cùng người thân trong gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà H – ông M khai không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà H – ông M khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Phạm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000340 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT (Bà H nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/8/2020), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS để thi hành.
- UBND thị trấn BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Vp.

Lê Văn Huệ